TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST Ngày 05-3-2021 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Ông Bùi Đình Phùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2021/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 01 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị L, sinh năm 1986. Nơi đăng ký HKTT: Thôn 5, xã D, huyện K, thành phố Hải Phòng. Hiện trú tại: Thôn M, xã M1, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Ngọc Q, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: Thôn 5, xã D, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 07 tháng 01 năm 2021 và bản tự khai ngày 14 tháng 01 năm 2021, chị Trần Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện chung sống với anh Hoàng Ngọc Q từ năm 2003 được hai bên gia đình tổ chức hỏi cưới theo phong tục nhưng đến ngày 17 tháng 9 năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện K, thành phố

Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 14 năm, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh Q nghi ngờ chị sống không chung thủy, không chia sẻ những khó khăn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau. Tháng 12 năm 2017, chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Tháng 02 năm 2020, chị làm đơn xin ly hôn anh Q, quá trình giải quyết vụ án chị tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ, thời gian trở lại chung sống, anh Q không thay đổi tính cách, chị lại phải bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ cuối tháng 3 năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh Q.

Về con chung: Anh chị có 03 con là Hoàng Ngọc L, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2004, Hoàng Ngọc Đ, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2007 do anh Q đang nuôi dưỡng và Hoàng Trần Ngọc D, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2017 chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị nhận nuôi cháu D đến khi đủ 18 tuổi, để các cháu L và Đ cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Q khai thống nhất với chị L về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn. Chị L đã nhiều lần bỏ nhà đi ở nơi khác, lần cuối cùng chị mang theo cháu D bỏ về nhà mẹ đẻ để ở từ tháng 3 năm 2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị L xin ly hôn, anh không đồng ý vì muốn các con có đầy đủ bố và mẹ. Trường hợp chị L cương quyết ly hôn thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có 03 con là Hoàng Ngọc L, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2004, Hoàng Ngọc Đ, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2007 đang do anh nuôi dưỡng và Hoàng Trần Ngọc D, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2017 chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh nhận tiếp tục nuôi các cháu L, Đ đến khi đủ 18 tuổi, để cháu D cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L, cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Hoàng Ngọc Q.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Ngọc L, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2004 và cháu Hoàng Ngọc Đ, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2007 cho anh Q nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu Hoàng Trần Ngọc D, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2017 cho chị L nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, hai bên đương sự thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Anh chị đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Hoàng Ngọc Q là bị đơn có nơi cư trú tại thôn 5 xã D, huyện K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L xin ly hôn anh Q; căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thông tin do UBND xã D, huyện K cung cấp về quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Hoàng Ngọc Q có đăng ký kết hôn năm 2004, anh chị chung sống hạnh phúc được 14 năm. Đến đầu năm 2017, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nghi ngờ nhau không chung thủy và không chia sẻ những khó khăn về kinh tế, do đó vợ chồng thường xảy ra cãi mắng nhau. Tháng 02 năm 2020, chị L đã làm đơn xin ly hôn anh Q, quá trình giải quyết, chị rút yêu cầu để vợ chồng đoàn tụ, thời gian chung sống trở lại, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị L đã nhiều lần bỏ nhà đi ở nơi

khác, vợ chồng sống ly thân trong nhiều năm, lần cuối cùng chị mang theo con nhỏ là cháu D bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 3 năm 2020 đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị L có cơ sở chấp nhận, nên xử cho chị L được ly hôn anh Q là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng của chị L nhận nuôi cháu Hoàng Trần Ngọc D, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2017 đến khi con đủ 18 tuổi và để các cháu Hoàng Ngọc L, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2004 và Hoàng Ngọc Đ, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2007 cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh Q đồng ý vì anh chị đều có chỗ ở, việc làm và thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng các con. Mặt khác, cháu L và Đ có nguyện vọng ở với anh Q. Do đó, cần chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự: Giao cháu D cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi; giao cháu L và cháu Đ cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, anh chị đã tự thỏa thuận giao nhận với nhau, đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Anh chị đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn anh Hoàng Ngọc Q.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Ngọc L, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2004 và Hoàng Ngọc Đ, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2007 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu Hoàng Trần Ngọc D, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, anh chị đã tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị L, anh Q đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu ký hiệu AA/2016, số 0009045 ngày 14 tháng 01 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị L đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- Chi cục THADS huyện K, HP;
- UBND xã D, huyện K, HP;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Hoàng